

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 25 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hoà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 27/2022/TLST-DS ngày 15/11/2022, về việc "Tranh chấp chia thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-ST ngày 15/5/2023; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vắn, sinh năm 1950 (Có mặt);

HKTT: Xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn Thụ, Luật sư, Văn Phòng Luật sư Đặng Thụ- Việt Yên - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: Thôn Cầu, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Nam, sinh năm 1963 (Có mặt);

HKTT: Xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nam:

+ Ông Nguyễn Thanh Bình, Luật sư- Thuộc Văn phòng Luật sư Bình Minh; Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23, Nguyễn Công Hãng, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

+ Ông Phạm Xuân Anh, Luật sư, Văn phòng luật sư Phạm Xuân Anh, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt);

Địa chỉ: Số 206, Lê Lợi, TT.Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thi, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Lộ Bao, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Trường, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Lũng Sơn, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Lương, xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

4. Ông Nguyễn Đình Đông, sinh năm 1970, địa chỉ: Chợ Đầu Mối, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Thi, bà Trường, bà Phương, ông Đông là: Bà Nguyễn Thị Ván, sinh năm 1950; HKTT: Xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

5. Bà Ngô Thị Xoan, sinh năm 1966 (Xin vắng mặt);

6. Anh Nguyễn Đình Tiến, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt);;

7. Chị Nguyễn Thị Thu Hoài, sinh năm 1991(Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

8. Nguyễn Thị Thanh Xuân, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố Phù Lưu, phường Đông Ngàn, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

10. Chị Bạch Thị Nhung, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

11. Cháu Nguyễn Thị Hồng Hiếu, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

12. Cháu Nguyễn Lan Anh, sinh năm 2006 (Vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lan Anh: Chị Bạch Thị Nhung, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Văn Thụ trình bày: Bố bà Ván là cụ Nguyễn Đình Quang, sinh năm 1922 (mất năm 1998), mẹ là cụ Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1928 (mất năm 2019).

Quá trình chung sống các cụ sinh được 07 người con:

1. Bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1945 (đã chết năm 2004); địa chỉ: Thôn Duệ Đông, TT.Lim. Bà Minh có chồng là ông Nguyễn Xuân Đoán, sinh năm 1939, đã

chết trước, có con Nguyễn Xuân Đạo, sinh năm 1966, đã chết năm 2022, vợ là Bạch Thị Nhung, sinh năm 1973; có con gái là Nguyễn Thị Hồng Hiếu, 2001 và Nguyễn Lan Anh, sinh năm 2006; cùng địa chỉ: Xóm Chùa Tây, thôn Duệ Đông, TT.Lim.

2. Bà Nguyễn Thị Vấn, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Duệ Đông, TT.Lim.
3. Bà Nguyễn Thị Thi, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Lộ Bao, xã Nội Duệ.
4. Bà Nguyễn Thị Trường, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Lũng Sơn, TT.Lim.
5. Bà Nguyễn Đình Nam, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Duệ Đông, TT.Lim.
6. Bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Lương, xã Tri Phương.
7. Ông Nguyễn Đình Đông, sinh năm 1970, địa chỉ: Chợ Đầu Mối Lim, TT.Lim.

Bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Bố mẹ bà không nhận ai làm con nuôi, cũng không làm con nuôi ai. Gia đình không ai phải thực hiện nghĩa vụ gì do các cụ để lại. Khi chết các cụ để lại cụ để lại các tài sản:

Tài sản các cụ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ 34, có diện tích 229 m² (gọi tắt là thửa số 25), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Quang vào năm 1997. Hiện nay chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Khi còn sống hai cụ có làm 1 nhà cấp 4, sân lát gạch sau này ông Nam làm nhà đã phá đi. Sau đó Vợ chồng anh Nam làm nhà 2 tầng diện tích 100 m²/1 sân, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ,...Bà Vấn ở cùng, có đóng góp một ít tiền là 22.000.000 đồng, đưa cho vợ chồng ông Nam làm 3 lần. Ngoài ra bà Vấn còn phụ giúp trong việc chở nguyên vật liệu.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật. Khi chia các bà lấy bằng hiện vật là đất, do hiện nay bà không có chỗ ở nào khác. Tất cả chị em sẽ cho bà phần chị em được hưởng để bà Vấn đứng tên toàn bộ số đất được chia gồm bà Phi, bà Trường, bà Phương, Anh Đông và bà. Ngoài ra đề nghị trích chia công sức đóng góp trong việc góp tiền là 22.000.000 đồng tại thời điểm 2012 và công sức của bà Vấn đã cùng với các cụ mua thêm đất để được diện tích như hiện nay, tuy không có giấy tờ gì. Ông không đồng ý quan điểm của bị đơn đề nghị chia thửa đất làm 7 khẩu mà đây là tài sản của cụ Quang, cụ Vân nên đề nghị chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật. Ông đề nghị khi chia tài sản thì tạo lập 1 lối đi chung cho gia đình ông Nam và bà Vấn. Bà Vấn và các chị, em xin lấy bằng hiện vật là đất, sẽ trích trả cho ông Nam giá trị bằng tiền.

**Nguyên đơn bà Vấn trình bày:* Nhất trí với ý kiến trình bày của ông Thụ, tại phiên toà đối với số tiền đã cho ông Nam bà không có yêu cầu gì. Bà không đồng ý chia tài sản làm 7 theo như ý kiến của ông Nam. Đối với số tiền đã cho nay bà

không có yêu cầu gì với ông Nam.

Ngoài ra nguyên đơn bà Vần có yêu cầu gì khác.

**Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Đình Nam trình bày:*

Ông thừa nhận thành phần gia đình như nêu trên là đúng. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Bố mẹ ông không nhận ai làm con nuôi, cũng không làm con nuôi ai. Các ông không phải thực hiện nghĩa vụ gì do các cụ để lại. Khi chết các cụ để lại cụ để lại các tài sản:

Tài sản các cụ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ 34, có diện tích 229 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình Quang vào năm 1997. Năm 1997 hộ ông Quang có 7 thành viên gồm: Cụ Quang, cụ Vần, 2 vợ chồng ông, 2 con ông và anh Đông. Bà Vần do năm 1994 đã tách khẩu để thành hộ độc thân để được xin cấp 01 thửa đất diện tích 120 m² tại thôn Duệ Đông, anh Đông khi đó chưa lập gia đình nên có hộ khẩu và sống cùng cụ năm 1999 anh Đông mới lập gia đình. Năm 2003 anh Đông là con trai út cũng được cấp 1 thửa đất diện tích 120 m² tại thôn Duệ Đông.

Thửa đất số 25 hiện nay chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Ông lập gia đình năm 1988, vợ là bà Ngô Thị Xoan, các con: Nguyễn Đình Tiến (Tiến có vợ là Nguyễn Thị Thu Hoài, sinh năm 1990); Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Khi còn sống hai cụ có làm 1 nhà cấp 4, sân lát gạch. Vào các năm 2000 và năm 2008, 2012 vợ chồng ông sửa nhà và làm nhà 2 tầng diện tích 100 m²/1 sân, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ, ...như hiện nay. Bà Vần ở cùng không đóng góp công sức gì, do ở cùng nên phụ giúp việc vặt khi xây dựng. Mẹ ông còn sống nhưng không đóng góp gì, chị em chỉ đến làm giúp, không ai đóng góp gì.

Bà Vần không lấy chồng ở cùng nhà với bố mẹ ông và sau đó ở cùng vợ chồng ông trên thửa đất của các cụ để lại.

Năm 2021 do con bà Thi có mâu thuẫn đánh vợ, chồng, con ông nên anh Duy con bà Thi đã bị Toà án xét xử. Bà Vần bệnh bà Thi và cháu ngoại nên kiện chia thừa kế đất của bố ông mẹ ông.

Bà Vần và các chị em kiện tranh chấp kiện thừa kế tài sản của bố mẹ ông và yêu cầu chia, quan điểm của ông là không đồng ý chia vì các chị đã đi lấy chồng, bà Vần, anh Đông đã được cấp đất, đất này bố mẹ cho ông, nếu ông tách ra ở riêng không ở cùng bố mẹ thì thời điểm đó ông cũng được Nhà nước cấp cho 01 thửa đất. Tài sản này các cụ để lại để hương khói cho tổ tiên hàng năm, giao cho ông cúng giỗ, giao giấy chứng nhận cho ông. Ông không đồng ý chia tài sản, còn về

trích chia công sức ông không đồng ý vì bà Vắn có cho ông 14.000.000 đồng ông mua xe máy và cho ông 15.000.000 đồng khi bà Vắn bán đất tuy nhiên không liên quan đến việc làm nhà, nay bà Vắn không yêu cầu ông nhất trí. Trường hợp phải chia đất ông đề nghị chia 7 thành viên hộ năm 1997, sau đó chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo pháp luật, ông xin lấy bằng hiện vật toàn bộ thừa đất, xin trích trả cho các hàng thừa kế bằng tiền.

Ngoài ra ông không có ý kiến yêu cầu gì.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm Xuân Anh trình bày:* Ông không đồng ý chia tài sản di sản của các cụ Quang và cụ Vân là toàn bộ thừa đất số 25, do năm 1997 cụ Quang đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Quang, cụ Quang đã tự nguyện ghi nhận những người đồng sở hữu gồm 7 người; các thành viên theo ông được biết qua xác nhận của những người sống cùng thời và cán bộ thôn Duệ Đông thì thành viên hộ cụ Quang gồm có: Ngoài hai cụ thì có 5 thành viên khác là 4 thành viên gia đình ông Nam và anh Đông chưa lập gia đình. Bà Vắn thì trước đó đã tách khẩu để thành hộ độc thân năm 1994 được cấp 1 thửa đất 120 m² của thôn. Cụ Vân và cụ Quang thống nhất cho ông Nam, bà Xoan đất và làm nhà, do gia đình hoà thuận nên mới đồng ý cho vợ chồng anh Nam làm nhà và ông Nam phải thờ cúng và có trách nhiệm với gia đình. Trường hợp phải chia ông đề nghị chia: Thừa đất cho 7 thành viên hộ cụ Quang năm 1997, tài sản của các cụ có 2 phần. Trước khi chia đề nghị bớt 1 phần cho ông Nam bà Xoan vì đã có công duy trì, tôn tạo thửa đất trong thời gian hơn 20 năm. Đề nghị chia cho ông Nam lấy toàn bộ thừa đất do anh em mâu thuẫn không thể sống cùng 1 thửa đất, ông Nam sẽ trích trả cho bà Vắn và các chị em bằng tiền.

Ngoài ra ông không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

***Bà Vắn Trình bày:** Với tư cách là người đại diện cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Thi, bà Trường, bà Phương, ông Đông, bà Vắn trình bày: Tất cả chị em uỷ quyền cho bà, đều nhất trí với ý kiến của bà, toàn bộ tài sản các chị em được nhận đều cho bà đứng tên.

***Bà Thi trình bày:** Bà nhất trí với ý kiến của bà Vắn, bà đề nghị Toà án chia theo quy định pháp luật. Phần của bà được hưởng bà cho bà Vắn quản lý, sử dụng và đứng tên. Bà chỉ giúp vợ chồng ông Nam làm nhà, công sức nhỏ bà không có ý kiến yêu cầu gì. Ngoài ra nhất trí với ý kiến bà Vắn.

***Bà Trường, bà Phương trình bày:** Nhất trí với ý kiến bà Vần và ý kiến của bà Thi, phần của các bà được hưởng cho bà Vần toàn bộ. Ngoài ra các bà không có ý kiến yêu cầu gì.

***Anh Đông trình bày:** Anh thừa nhận thành phần gia đình như các anh chị trình bày là đúng. Bố mẹ anh chết không để lại di chúc. Bố mẹ anh không nhận ai làm con nuôi, cũng không làm con nuôi ai. Khi chết các cụ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ 34, có diện tích 229 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ anh vào năm 1997. Hiện nay chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Khi còn sống hai cụ có làm 1 nhà cấp 4, sân lát gạch sau này anh Nam làm nhà đã phá đi. Năm 2000 vợ chồng anh Nam làm nhà 2 tầng diện tích 100 m²/1 sào, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ, ...Bà Vần ở cùng, có đóng góp một ít nhưng cụ thể bao nhiêu anh không biết. Mẹ anh còn sống nhưng không đóng góp gì, bà Vần là người đứng ra nuôi mẹ anh, anh có đóng góp tiền nuôi mẹ anh. Chị em không có đóng góp gì trong việc vợ chồng anh Nam làm nhà. Trong khối tài sản là ngôi nhà 2,5 tầng của vợ chồng anh Nam anh không có đóng góp công sức gì. Trên đất của cụ Quang và cụ Vân anh không có tài sản gì. Bà Vần không lấy chồng ở cùng nhà với bố mẹ anh và sau đó ở cùng vợ chồng anh Nam trên thửa đất của các cụ để lại. Bà Vần và các chị em kiện tranh chấp kiện thừa kế tài sản của bố mẹ anh và yêu cầu chia, quan điểm của anh là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vần. Phần anh được chia anh cho bà Vần. Do công việc bận không về được anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải và các phiên toà.

Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì.

Bà Xoan trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của ông Nam về thành phần gia đình nhà ông Nam, cũng như gia đình bà.

Về tài sản của bố mẹ chồng để lại gồm có: thửa đất số 25, tờ bản đồ 34, có diện tích 229 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang họ Nguyễn Đình Quang. Hiện nay chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Bà về làm dâu nhà cụ Quang từ năm 1988, khi còn sống hai cụ có làm 1 nhà cấp 4, sân lát gạch, hiện nay đã phá đi. Năm 2000 vợ chồng bà làm nhà 2 tầng diện tích 100 m²/1 sào, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ,...các con còn nhỏ không có đóng góp gì. Bà Vần ở cùng không đóng góp xây dựng gì. Mẹ chồng bà còn sống nhưng không đóng góp gì. Chị em chỉ đến làm giúp không có đóng góp gì.

Bà Vần không lấy chồng ở cùng nhà với cụ Quang, cụ Vân và sau đó ở cùng vợ chồng bà trên thửa đất của các cụ để lại, vợ chồng bà cho bà Vần ở tầng 1, gia đình bà ở tầng 2.

Năm 2021 do con bà Thi có mâu thuẫn đánh bà, ông Nam, con bà nên anh

Duy con bà Thi đã bị Toà án xét xử. Bà Vần bệnh bà Thi và cháu ngoại nên kiện chia thừa kế đất của cụ Quang và cụ Vân.

Bà Vần và các chị em gia đình nhà chồng kiện tranh chấp kiện thừa kế tài sản của bố mẹ chồng bà và yêu cầu chia, quan điểm của bà là về đất đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, còn về tài sản trên đất hoàn toàn là của vợ chồng bà, đề nghị Toà án buộc anh em phải trả cho vợ chồng bà. Bà đề nghị Toà án cho bà được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải và các phiên toà.

Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Anh Tiến trình bày:** Anh là con của ông Nguyễn Đình Nam và bà Ngô Thị Xoan. Năm 2000 bố mẹ anh làm nhà 2 tầng diện tích 100 m²/1 sào, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ, ...Anh còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ anh. Anh kết hôn với vợ là chị Nguyễn Thị Thu Hoài, vợ anh không có công sức đóng góp gì vào tài sản của bố mẹ anh. Ngôi nhà và tài sản của bố mẹ anh, vợ chồng anh mới lấy nhau đến nay không có sửa chữa hay xây dựng gì thêm.

Bà Vần và các chị em của bố anh kiện tranh chấp thừa kế tài sản của cụ Quang và cụ Vân để lại, quan điểm của anh là về đất đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, còn về tài sản trên đất hoàn toàn là của bố mẹ anh, đề nghị Toà án công nhận và mọi người trích trả cho bố mẹ anh khi chia. Anh xác định không liên quan nên từ chối tham gia tố tụng. Anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải và các phiên toà.

Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Chị Nguyễn Thị Thanh Xuân trình bày:** Chị là con của ông Nam bà Xoan, hiện chị đã lập gia đình năm 2016, trong khối tài sản nhà 2 tầng trên đất đang tranh chấp là của bố mẹ chị, chị không có công sức gì. Đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế của bà Vần quan điểm của chị là về đất chị không đồng ý chia, còn về nhà hoàn toàn là của bố mẹ chị, chị xác định không liên quan lên xin từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các buổi hoà giải và các phiên toà.

Ngoài ra chị không có ý kiến yêu cầu gì khác.

*** Quá trình xác minh cán bộ địa chính TT.Lim bà Hằng cung cấp:** Thừa đất số 25, tờ bản đồ 34, diện tích 229 m², tọa lạc tại xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim mang tên chủ hộ ông Nguyễn Đình Quang và bà Nguyễn Thị Vần hiện nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71, diện tích 232 m²; đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ ông Nguyễn Đình Quang. Diện tích hiện nay là 232 m² có sự tăng diện tích 3 m² là do sai số trong quá trình đo đạc, các hộ liên kề không có sự tranh chấp mốc giới và đã ký đầy đủ

hồ sơ. Nội dung liên quan đến thành viên hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì: Hồ sơ đất đai chỉ có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập năm 1996, gồm 7 thành viên, còn cụ thể gồm những ai thì không có.

Ngoài ra bà không cung cấp gì thêm.

***Quá trình xác minh trường Công an TT. Lim cung cấp:** Đối với việc xác định thành viên hộ ông Nguyễn Đình Quang (đã chết) tại thời điểm năm 1997, qua rà soát thì hồ sơ lưu tại Công an TT.Lim đến nay không được bàn giao, tiếp nhận nên không có căn cứ cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Do đó: Căn cứ khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39; Điều 92, Điều 147 BLTTDS; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649; điểm a, khoản 1, điều 650, điểm a khoản 1, và khoản 2 điều 651, điều 652, điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326 của Quốc Hội:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ván về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Quang và cụ Nguyễn Thị Vân theo quy định của pháp luật.

+ Xác nhận di sản của cụ Quang và cụ Vân để lại gồm: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 34, diện tích theo GCNQSDĐ là 229 m², nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71, diện tích đo đạc thực tế là 232 m².

+ Xác nhận hàng thừa kế của cụ Quang gồm: Cụ Vân, bà Ván, bà Thi, bà Trường, bà Phương, ông Đông và ông Nam.

Hàng thừa kế di sản của cụ Vân gồm: bà Ván, bà Thi, bà Trường, ông Nam, bà Phương và ông Đông.

+ Chia cho ông Nguyễn Đình Nam sử dụng phần đất có diện tích là 145,7m² có trị giá đất là 3.205.400.000đ, trên đất này có những tài sản gồm: Ngôi nhà 2 tầng xây dựng kiên cố, cùng một phần sân gạch, nhà tắm cùng một số tài sản khác do vợ chồng ông Nam xây dựng. Buộc ông Nam phải trích trả cho bà Ván số tiền tương đương với các suất thừa kế còn lại bà Ván được hưởng là 2.526.933.334đ.

Chia cho bà Nguyễn Thị Ván phần diện tích đất là 71,1m² cùng tài sản trên đất do vợ chồng ông Nam tạo dựng được là ngôi nhà cấp 4 diện tích 17,6m², 01 bể

nước xây gạch. Buộc bà Vần phải có nghĩa vụ trích trả bằng tiền cho vợ chồng ông Nam giá trị tài sản trên đất tương đương với số tiền là 38.065.208đ.

+ Xác định một phần đất ở giữa 2 thửa đất đã chia có diện tích là 15,2m² là lối đi chung giữa 2 thửa đất.

+ Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự phải chịu án phí và chi phí thẩm định và định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vần yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Quang và cụ Vân để lại, di sản thừa kế là thửa đất 25, tờ bản đồ 34, diện tích 229 m², tọa lạc tại xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim mang tên chủ hộ ông Nguyễn Đình Quang hiện nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71, diện tích đo đạc thực tế là 232 m²; đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình Quang, năm 1997 cho 7 người con theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình Nam có địa chỉ tại thôn Duệ Đông, TT. Lim, huyện Tiên Du; tài sản thừa kế tranh chấp tọa lạc tại huyện Tiên Du; Toà án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản; do đó căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Toà án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tiến, chị Hoài, chị Xuân xin vắng mặt đã có lời trình bày, chị Bạch Thị Nhung, cháu Nguyễn Thị Hồng Hiếu, đã được Toà án tổng đạt hợp lệ tuy nhiên từ chối làm việc, Toà án đã tiến hành lập biên bản theo quy định; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Bình- Luật sư vắng mặt lần thứ 2, ông Nam là bị đơn đã có người bảo vệ khác là ông Phạm Xuân Anh, ông Nam đồng ý xét xử vắng mặt ông Bình, tại phiên toà hôm nay những người liên quan trên vẫn vắng mặt, ông Bình vắng mặt, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng tới quyền lợi của các đương sự, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Quang mất năm 1998, cụ Vân mất năm 2019 nên đến nay còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

Trong vụ án trong vụ án không có đương sự đề nghị áp dụng thời hiệu.

[3] Về nội dung:

**Về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng, giá trị:*

Về đất: Theo nguyên đơn bà Vần, các bà Trường, Thi, Phương, anh Đông, ông Thụ trình bày: Tài sản cụ Quang và cụ Vân để lại là thửa đất 25 mang tên chủ hộ ông Nguyễn Đình Quang hiện nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71, diện tích đo đạc thực tế là 232 m²; đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình Quang, năm 1997, đề nghị chia thừa kế theo pháp luật do các cụ chết không để lại di chúc. Vợ chồng ông Nam, ông Bình, ông Xuân Anh cho rằng các cụ để lại thửa đất nêu trên mang tên chủ hộ là ông Quang, tuy nhiên hộ gia đình thời điểm cấp có 7 người gồm có: 2 cụ, 2 vợ chồng ông Nam, 2 con ông Nam và ông Đông vì vậy di sản ông của cụ Quang, cụ Vân để lại không phải là cả thửa đất mà là 1 phần thửa đất. Đề nghị chia di sản phần của cụ Quang và cụ Vân theo quy định pháp luật. Ngoài ra cụ Vân còn được hưởng thừa kế của cụ Quang và di sản của bà Minh.

Theo sổ sách lưu tại địa phương và tài liệu do Toà án xác minh: Thửa đất số 25 có nguồn gốc là của các cụ để lại cho cụ Quang cụ Vân, tuy nhiên năm 1997 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Quang là người đi kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận thì đã tự nguyện kê khai số người đồng sử dụng đất trong hộ có 7 thành viên, như các đương sự trình bày thì có 2 vợ chồng cụ Quang, 2 vợ chồng ông Nam, 2 con ông Nam đã sinh ra, ông Đông chưa lập gia đình ở cùng cụ Quang (năm 1999 ông Đông mới lập gia đình). Còn bà Vần ở trên đất tuy nhiên tách khẩu thành hộ độc thân năm 1994 để địa phương cấp đất khác tại thôn theo diện hộ độc thân, chưa lập gia đình, chưa có đất ở.

Qua việc xác minh tại địa phương cung cấp không còn lưu trữ được tài liệu nào liên quan đến thành viên hộ cụ Quang năm 1997. Tuy nhiên theo như đơn trình bày của cụ Nguyễn Thị Cải là trưởng xóm năm 1997 và của cụ Nguyễn Đoàn là trưởng thôn Duệ Đông năm 1997 thì hộ cụ Quang năm 1997 có 7 thành viên, các đương sự trình bày là phù hợp với thực tế thành viên hộ sinh sống trên đất tại thời điểm cấp và phù hợp với lời xác nhận lãnh đạo thôn, xóm cùng thời kỳ vì vậy có thể xác định được thửa đất số 25 mang tên hộ cụ Quang có 7 thành viên, di sản cụ Quang để lại là 1/7 giá trị thửa đất, giá trị tài sản của cụ Vân là 1/7 giá trị thửa đất. Thửa đất hiện nay các hộ đã ký giáp ranh đầy đủ không có tranh chấp, diện tích

theo giấy chứng nhận là 219 m², tuy nhiên thực tế là 232 m², sự tăng diện tích là do sai số trong đo đạc vì vậy HĐXX lấy số liệu 232 m² để làm căn cứ chia cho các đương sự.

Như vậy: Giá trị di sản là tài sản do của Quang để lại theo giá HĐ định giá được tính như sau:

Di sản của cụ Quang = Giá trị 1/7 thửa đất số 25 là $22.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 232\text{m}^2 = 729.143.000$ đồng.

Giá trị tài sản cụ Vân trong hộ cụ Quang là 1/7 thửa đất 25 có trị giá là: $22.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 232\text{m}^2 = 729.143.000$ đồng.

Giá trị tài sản của ông Nam, bà Xoan, anh Tiến, chị Xuân, ông Đông bằng nhau và bằng: 1/7 thửa đất số 25 có giá trị là $22.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 232\text{m}^2 = 729.143.000$ đồng.

Về diện được hưởng thừa kế:

Cụ Quang và cụ Vân kết hôn, chung sống với nhau sinh được 07 người con. Cụ Quang mất năm 1998 không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của Quang gồm 08 người: Cụ Vân, bà Minh, bà Vần, bà Thi, bà Trường, ông Nam, bà Phương, ông Đông.

Cụ Vân mất năm 2019 hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vân gồm có 07 người: Ông Đạo (con bà Minh được hưởng thừa kế thế vị), bà Vần, bà Thi, bà Trường, ông Nam, bà Phương, ông Đông.

Bà Minh mất năm 2004 hàng thừa kế gồm có 02 người: Bà Vần và ông Đạo.

Ông Đạo mất năm 2022 hàng thừa kế thứ nhất gồm có 03 người: Chị Nhung và 2 con.

Do bà Minh mất 2004 trước trước khi cụ Vân mất nên ông Đạo được hưởng thừa kế thế vị của bà Minh, ngoài ra ông Đạo khi chết không để lại di chúc. Do đó chị Nhung và 02 người con là: Cháu Lan Anh và Hồng Hiếu được hưởng phần di sản thừa kế của ông Đạo.

Trong vụ án không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh người thuộc diện thừa kế không được hưởng di sản thừa kế. Cụ Quang, cụ Vân chết các hàng thừa kế không phải chịu nghĩa vụ gì do các cụ để lại. Do vậy di sản của cụ Quang, cụ Vân để lại sẽ được chia cho các đồng thừa kế. Phần của bà Minh, ông Đạo được hưởng do chị Nhung và các con được hưởng tuy nhiên từ chối làm việc, không nhận di sản do đó phần này sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế.

**Về nội dung:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với việc chia di sản của các cụ Quang và cụ Vân tài sản là thửa đất số 25 và khi chia di sản đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật,

phần của các bà Trường, Thi, Phương, ông Đông cho bà Vắn đứng tên, toàn quyền sử dụng; phần thừa kế của ông Nam gộp với phần của tài sản của các con anh Tiến, chị Xuân và của bà Xoan thành tài sản chung của: Ông Nam, bà Xoan, anh Tiến, chị Xuân và còn việc ai được hưởng phần đất nào, trên đất có tài sản gì, của ai thì phải trích trả giá trị bằng tiền cho người kia hoặc bằng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy như trong phần nhận định về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng, giá trị di sản thì thừa đất 25 là có $\frac{1}{7}$ tài sản của cụ Quang và $\frac{1}{7}$ của cụ Vân nên yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Vắn là có căn cứ chấp nhận.

- Cụ Quang chết không để lại di chúc, di sản của cụ sẽ được chia theo quy định pháp luật.

Kỷ phần của các đương sự như sau: Bà Minh, bà Vắn, bà Thi, bà Trường, ông Nam, bà Phương, ông Đông, cụ Vân = $729.143.000 \text{ đồng} / 8 = 91.142.000 \text{ đồng}$.

Bà Minh chết không để lại di chúc, di sản của bà chia theo pháp luật, kỷ phần của: Bà Vân, ông Đạo bằng nhau = $91.142.000 \text{ đồng} / 2 = 45.571.000 \text{ đồng}$.

Di sản của cụ Vân = $\frac{1}{7}$ giá trị thừa đất số 25 + $\frac{1}{8}$ di sản cụ Quang + $\frac{1}{2}$ di sản bà Minh = $729.143.000 \text{ đồng} + 91.142.000 \text{ đồng} + 45.571.000 \text{ đồng} = 865.856.000 \text{ đồng}$.

Di sản của bà Vân được chia đều cho: Bà Minh (do ông Đạo nhận thế vị), bà Vắn, bà Trường, bà Thi, bà Phương, ông Nam, ông Đông, mỗi người được = $123.693.000 \text{ đồng}$.

Ông Đạo chết không để lại di chúc, di sản của ông chia theo pháp luật, cho chị Nhung và 02 con: Tổng số giá trị di sản của ông Đạo = $\frac{1}{2}$ di sản kỷ phần của bà Minh khi cụ Quang chết + kỷ phần thừa kế thế vị khi cụ Vân mất = $45.571.000 \text{ đồng} + 123.693.000 \text{ đồng} = 169.264.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên chị Nhung và các cháu không nhận tài sản do đó chia đều cho các hàng thừa kế 6 anh chị em bằng nhau gồm: bà Vắn, bà Trường, bà Thi, bà Phương, ông Đông, ông Nam mỗi người được = $28.210.000 \text{ đồng}$.

Kỷ phần bà Vắn được nhận di sản thừa kế là = $\frac{1}{8}$ di sản cụ Quang + $\frac{1}{7}$ di sản của cụ Vân + $\frac{1}{6}$ phần của ông Đạo = $91.142.000 \text{ đồng} + 123.693.000 \text{ đồng} + 28.210.000 \text{ đồng} = 243.045.000 \text{ đồng}$.

Kỷ phần của ông Đông = $\frac{1}{7}$ giá trị thừa đất số 25 + $\frac{1}{8}$ di sản cụ Quang + $\frac{1}{7}$ di sản của cụ Vân + $\frac{1}{6}$ phần của ông Đạo = $729.143.000 \text{ đồng} + 91.142.000 \text{ đồng} + 123.693.000 \text{ đồng} + 28.210.000 \text{ đồng} = 972.188.000 \text{ đồng}$.

Kỷ phần của bà Trường, Thi, Phương bằng nhau = $243.045.000 \text{ đồng}$.

Kỷ phần của bà Trường, bà Thi, bà Phương, ông Đông cho bà Vần nên tổng số kỷ phần bà Vần được nhận là: 243.045.000 đồng $\times$ 4+ 972.188.000 đồng= 1.944.368.000 đồng.

Kỷ phần ông Nam được nhận di sản thừa kế là = 1/8 di sản cụ Quang+ 1/7 di sản của cụ Vân+ 1/6 phần của ông Đạo= 91.142.000 đồng+123.693.000 đồng+28.210.000 đồng= 243.045.000 đồng.

Ngoài ra trong thửa đất số 25 ông Nam là 1 trong 7 thành viên hộ do đó ông Nam còn được 1/7 giá trị thửa đất = 729.143.000 đồng.

Tổng số tài sản ông Nam được nhận: 243.045.000 đồng+729.143.000 đồng=972.188.000 đồng.

Ngoài ra trong thửa đất 25 thì bà Xoan, anh Tiến, Chị Xuân mỗi người được 1/7 giá trị thửa đất=729.143.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gia đình ông Nam được nhận là: 729.143.000 đồng $\times$ 3+ 972.188.000 đồng= 3.159.617.000 đồng.

Do thửa đất số 25 diện tích rộng, là đất ở lâu dài, có giá trị, bà Vần, gia đình ông Nam không có chỗ ở nào khác, có nhu cầu chia bằng hiện vật, đất có thể chia bằng hiện vật cho các đương sự nên kỷ phần và thửa đất trên của các đương sự sẽ được chia bằng hiện vật (đất). Toàn bộ giá trị tài sản của bà Vần 1.944.369.000 đồng tương đương với 88,3 m² đất tại thửa số 25, phần của ông Nam, bà Xoan, anh Tiến, chị Xuân tương đương diện tích 143,7 m² tại thửa số 25; yêu cầu của các đương sự là lấy bằng hiện vật vì vậy để đảm bảo giá trị thửa đất và để cả hai thửa đất cùng có lối đi ra ngõ chung thì hai bên thống nhất bớt 1 phần đất có chiều rộng bằng cổng ngõ, kéo dài thẳng từ cổng ngõ đến hết đất làm lối đi chung, phần tài sản trên phần lối đi chung giữ giữ nguyên cho hai bên được sử dụng chung. HĐXX xét thấy như vậy là phù hợp nên chấp nhận, dựa trên sơ đồ thì phần đất này có diện tích là 15,2 m², gia đình ông Nam và bà Vần mỗi người phải bỏ ra 7,6 m² làm ngõ đi chung. Sau khi bớt diện tích đất làm ngõ đi chung diện tích của bà Vần còn lại là 80,7 m², ông Nam còn diện tích là 136,1 m², khi chia trên sơ đồ thửa đất số 25 chia thành 2 thửa đất, 1 thửa có diện tích 145,7 m² và 1 thửa có diện tích 71,1 m².

HĐXX xét thấy hai bên đương sự đều có nhu cầu về đất ở, gia đình ông Nam được chia diện tích đất nhiều hơn, gia đình đông thành viên hơn, bà Vần có 1 mình, các chị em đều đã có gia đình nên giao phần diện tích 145,7 m² phần có ngôi nhà 2,5 tầng cho gia đình ông Nam, còn giao phần đất có diện tích 71,1 m² cho bà Vần.

Ông Nam phải trích trả cho bà Vần phần diện tích chênh lệch 9,6 m² đất tương đương 211.200.000 đồng, cho phần đất của ông Nam được hưởng đủ phần đất

có diện tích 145,7 m², theo giá mà HĐ định giá đã định giá làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về tài sản trên đất: Khi còn sống các cụ có làm 1 nhà cấp 4, sân lát gạch sau này ông Nam làm nhà đã phá đi. Sau đó Vợ chồng anh Nam làm nhà 2 tầng 1 tum diện tích 100 m²/1 sân, sửa lại sân vườn, cổng, khu phụ, ... Bà Vắn ở cùng, phụ giúp trong việc chở nguyên vật liệu, các bà Trường, bà Thi, bà Phương, anh Đông không ở cùng, thi thoảng có phụ giúp, không có công sức gì.

Bà Vắn khai có đóng góp một ít tiền là 22.000.000 đồng, đưa cho vợ chồng ông Nam làm 3 lần tuy nhiên không có giấy tờ gì chứng minh. Ông Nam khai bà Vắn cho ông 14.000.000 đồng để ông mua xe máy và 15.000.000 đồng khi bà Vắn bán đất tuy nhiên không liên quan đến việc làm nhà, nay bà Vắn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

HĐXX nhận định: Ông Nam là con trai lớn ở cùng cụ Quang và cụ Vân trên thửa đất số 25, được sự đồng ý của các cụ vợ chồng ông năm 2000 mới phá nhà cũ, làm ngôi nhà 2,5 tầng và sửa lại sân, vườn... và sau đó vào các năm 2008, 2012 có sửa lại như hiện nay, khi đó gia đình đều hoà thuận, các chị em đều có gia đình, chỉ có bà Vắn không có gia đình, ở cùng với các cụ và cùng với gia đình ông Nam. Toàn bộ tài sản trên đất các đương sự thừa nhận là của gia đình ông Nam bà Xoan.

Trên phần đất mới chia của bà Vắn có các tài sản của ông Nam: 01 nhà cấp 4, 01 bể nước, tường hoa, 1 phần sân gạch, giá trị nhỏ mặt khác bà Vắn cũng có công sức đóng góp với các cụ, với gia đình ông Nam trong nhiều năm, ông Nam cũng đồng ý nếu chia cho bà Vắn, do những tài sản có giá trị nhỏ và vì là chị em nên ông cũng không yêu cầu bà Vắn phải trích trả bằng tiền nên bà Vắn được sử dụng các tài sản trên phần đất được chia mà không phải trích trả cho gia đình ông Nam.

Toà án giao cho ông Nam được, quản lý, sử dụng phần đất kỷ phần của các cụ Quang và cụ Vân tại thửa số 25; trên đất có tài sản, tuy nhiên ông Nam đề nghị nhập cùng với phần tài sản của bà Xoan, anh Tiến, chị Xuân để cả 4 người cùng đứng tên nên HĐXX sẽ giao phần đất và tài sản trên cho cả 4 người đứng tên, trường hợp sau này các đương sự không có sự thống nhất, tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đầy đủ, tuy nhiên chưa phù hợp nên HĐXX xem xét, chia lại cho phù hợp hơn.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Vắn được chấp nhận 1 phần, bà Vắn, bà Thi, bà Trường là người cao tuổi nên miễn toàn án phí DSST cho các bà; bà Vắn phải chịu án phí DSST đối với phần của bà Phương, anh Đông cho bà; bị đơn ông Nam là người cao tuổi miễn toàn bộ án phí DSST cho ông.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Yêu cầu của bà Vân được chấp nhận 1 phần nên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí nêu trên số tiền là 7.500.000 đồng. Xác nhận bà Vân đã nộp số tiền 15.000.000 đồng, ông Nam phải trả cho bà Vân số tiền là 7.500.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 33, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 11, 36, 42, 52, 73, 74, 76 Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ Điều 10, 97, 106, 143, 167, 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ các điều 212, 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Đình Quang và cụ Nguyễn Thị Vân theo pháp luật.

Xác định khối di sản của cụ Quang để lại: Giá trị 1/7 thửa đất 25, tờ bản đồ 34 diện tích 229 m², tọa lạc tại xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim mang tên chủ hộ ông Nguyễn Đình Quang hiện nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71, diện tích đo đạc thực tế là 232 m²; đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình Quang, năm 1997.

Xác định khối di sản của cụ Vân để lại có giá trị là: 865.856.000 đồng.

2. Tạo lập lối đi chung chiều rộng 1,86 m, dài lần lượt là 8,17 m và 8,18 m; kéo dọc theo chiều sâu của ngõ xóm có diện tích 15,2 m² cho gia đình ông Nguyễn Đình Nam và bà Nguyễn Thị Vân, mỗi bên phải bót ra diện tích 7,6 m² đất làm lối đi chung. Phần tài sản trên phần lối đi chung các đương sự được sử dụng chung.

3. Chia cho ông Nguyễn Đình Nam, bà Nguyễn Thị Xoan, anh Nguyễn Đình Tiến, chị Nguyễn Thị Thanh Xuân được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 145,7 m², tại đất số 25, tờ bản đồ 34 (nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71), tọa lạc tại xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau:

Bắc giáp ông Nguyễn Đình Sáng, Nam giáp lối đi chung mới, Đông giáp nhà ông Hoài, Tây giáp đất ông Do.

Gia đình ông Nam được sở hữu toàn bộ các tài sản trên phần diện tích đất được chia.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị Vần được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 71,1 m²; tại đất số 25, tờ bản đồ 34 (nay là thửa số 119, tờ bản đồ 71), tọa lạc tại xóm Phúc Đàm, thôn Duệ Đông, TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận như sau:

Bắc giáp giáp lối đi chung mới, Nam giáp ông Can, Đông giáp nhà ông Hoàng, Tây giáp đất ông Cảnh.

Gia đình ông Nam, bà Vần được sở hữu toàn bộ các tài sản trên phần diện tích đất được chia.

(Có sơ đồ phân chia đất và các tài sản trên đất kèm theo bản án)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đình Nam phải có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị Vần số tiền 211.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Miễn án phí DSST cho nguyên đơn bà Vần đối với phần bà Vần được hưởng và bà Trường, bà Thi. Bà Vần phải chịu 50.318.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí DSST đối với phần tài sản bà được nhận của bà Phương, anh Đông. Miễn án phí DSST cho ông Nguyễn Đình Nam.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Mỗi bên đương sự phải chịu ½ chi phí thẩm định và định giá tài sản số tiền là 7.500.000 đồng. Xác nhận bà Vần đã nộp số tiền 15.000.000 đồng, ông Nam phải trả cho bà Vần số tiền là 7.500.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- UBND xã
- VKS huyện Tiên Du;
- THA DS huyện Tiên Du;
- Đường sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên toà

Trần Quang Lưu

Dương Thị Ngân

Vũ Mạnh